

BỘ NỘI VỤ-BỘ TÀI
CHÍNH
Số: 81/2005/TTLT/BNV-
BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

***Hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với một số
ngạch
công chức, viên chức mới được bổ sung hoặc có thay đổi về phân loại công
chức,
viên chức thuộc ngành Thủy lợi, Giáo dục và đào tạo, Văn hoá - Thông tin,
Y tế và Quản lý thị trường***

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về
chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau
đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP);*

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo,
Bộ Văn Hóa - Thông tin, Bộ Y tế và Bộ Thương mại, sau khi trao đổi ý kiến với các
Bộ, ngành liên quan, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn chuyển xếp lương cũ
sang lương mới đối với một số ngạch công chức, viên chức mới được bổ sung hoặc
có thay đổi về phân loại công chức, viên chức thuộc ngành Thủy lợi, Giáo dục và
đào tạo, Văn Hóa - Thông tin, Y tế và Quản lý thị trường theo các Quyết định của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ số 77/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 về việc ban hành
mã số các ngạch công chức chuyên ngành quản lý thị trường và một số ngạch viên
chức ngành Văn hóa - thông tin; Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11
năm 2004 về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và các ngạch viên chức;
Quyết định số 28/2005/QĐ-BNV ngày 25 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành tiêu
chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế công cộng; Quyết định số 41/2005/QĐ-

BNV ngày 22 tháng 4 năm 2005 về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; Quyết định số 61/2005/QĐ-BNV ngày 15/6/2005 về việc ban hành tạm thời chức danh và mã số ngạch một số ngạch viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin và Quyết định số 64/2005/QĐ-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2005 về việc ban hành bổ sung chức danh và mã số ngạch nhân viên kiểm soát thị trường (các Quyết định nêu trên sau đây viết tắt là Quyết định số 77/2004/QĐ-BNV; Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV; Quyết định số 28/2005/QĐ-BNV; Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV; Quyết định số 61/2005/QĐ-BNV và Quyết định số 64/2005/QĐ-BNV) như sau:

I. ĐỐI VỚI NGÀNH THỦY LỢI

Các ngạch công chức ngành Thủy lợi (kiểm soát đê điều) đã có thay đổi về chức danh và phân loại công chức theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV, nay hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang lương mới như sau:

1. Ngạch kiểm soát viên chính đê điều cũ ban hành kèm theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 25/CP).

a) Từ bậc 6 cũ (hệ số lương cũ 3,31) đến bậc 10 cũ (hệ số lương cũ 4,25) của ngạch kiểm soát viên chính đê điều cũ được chuyển xếp sang lương mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 vào ngạch kiểm soát viên chính đê điều mới (mã số 11.081) thuộc công chức loại A2, nhóm 2 (A2.2) theo bảng sau:

Bậc lương mới	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8
Hệ số lương mới	4,00	4,34	4,68	5,02	5,36	5,70	6,04	6,38
Hệ số lương cũ		3,31	3,54	3,77	4,01	4,25		

b) Từ bậc 1 cũ (hệ số lương cũ 2,16) đến bậc 5 cũ (hệ số lương cũ 3,08) của ngạch kiểm soát viên chính đê điều cũ được chuyển xếp sang lương mới kể từ ngày 01

tháng 10 năm 2004 vào ngạch kiểm soát viên đề điều mới (mã số 11.082) thuộc công chức loại A1 theo bảng sau:

Bậc lương mới	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9
Hệ số lương mới	2,34	2,67	3,00	3,33	3,66	3,99	4,32	4,65	4,98
Hệ số lương cũ		2,16	2,39	2,62	2,85	3,08			

2. Ngạch kiểm soát viên đề điều cũ ban hành kèm theo Nghị định số 25/CP.

a) Căn cứ vào hệ số lương cũ của ngạch kiểm soát viên đề điều cũ đã được xếp theo Nghị định số 25/CP ở mã số ngạch 11.082, thì ngạch kiểm soát viên đề điều cũ được chuyển xếp lương cũ sang lương mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 vào công chức loại B theo bảng sau:

Bậc lương mới	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9
Hệ số lương mới	1,86	2,06	2,26	2,46	2,66	2,86	3,06	3,26	3,46
Hệ số lương cũ		1,70	1,82	1,94	2,06	2,18	2,30	2,42	2,54

Bậc lương mới	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12	VK	VK	VK	VK	VK
Hệ số lương mới	3,66	3,86	4,06	VK5%	VK7%	VK9%	VK11%	VK13%
Hệ số lương cũ	2,66	2,79	2,92	3,05	3,18	3,31	3,44	3,57

b) Từ bảng chuyển xếp lương cũ sang lương mới vào công chức loại B đối với ngạch kiểm soát viên đề điều cũ nêu trên; căn cứ vào đối tượng áp dụng bảng lương số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và căn cứ vào phân loại, chức danh và mã số của ngạch kiểm soát viên đề điều ban hành tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV để chuyển xếp lương cũ sang lương mới kể từ ngày 01 tháng 10

năm 2004 đối với kiểm soát viên đề điều đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định của ngạch như sau: Căn cứ vào hệ số lương cũ đang hưởng chuyển xếp vào hệ số lương mới ở ngạch kiểm soát viên đề điều cũ theo bảng chuyển xếp tại điểm a khoản 2 này, sau đó căn cứ vào hệ số lương mới và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được chuyển xếp ở ngạch kiểm soát viên đề điều cũ (công chức loại B) để chuyển xếp vào hệ số lương mới ở ngạch kiểm soát viên đề điều mới (mã số 11.082) thuộc công chức loại A1.

Trường hợp hệ số lương cũ đang hưởng chuyển xếp sang lương mới vào công chức loại B theo bảng chuyển xếp nêu trên mà chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, thì căn cứ vào hệ số lương mới được chuyển xếp ở công chức loại B chuyển vào hệ số lương mới bằng hoặc cao hơn gần nhất ở công chức loại A1. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở công chức loại A1 được tính như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương mới được chuyển xếp vào công chức loại A1 so với hệ số lương mới được chuyển xếp vào công chức loại B bằng hoặc lớn hơn 0,20 (chênh lệch giữa 2 bậc lương liên kế ở công chức loại B) thì được tính kể từ ngày được hưởng lương mới ở loại A1 (đối với ngạch kiểm soát viên đề điều mới đã được quy định tại đối tượng áp dụng bảng lương số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP nên được hưởng lương mới ở loại A1 kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004); nếu nhỏ hơn 0,20 thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương cũ theo Nghị định số 25/CP.

Trường hợp hệ số lương cũ đang hưởng chuyển xếp sang lương mới vào công chức loại B theo bảng chuyển xếp nêu trên mà được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, thì căn cứ vào hệ số lương mới 4,06 bậc 12 (bậc cuối cùng) ở công chức loại B chuyển vào hệ số lương mới cao hơn gần nhất là 4,32 bậc 7 ở công chức loại A1; thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở công chức loại A1 được tính kể từ ngày được hưởng lương mới ở loại A1 (đối với ngạch kiểm soát viên đề điều mới được tính kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004). Đồng thời được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) cho bằng hệ số lương mới cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung tính theo kết quả xếp lương mới ở công chức loại B nêu trên; hệ số chênh lệch bảo lưu này (được tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) giảm tương ứng khi cán bộ, công chức

được nâng bậc lương hoặc hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A1 hoặc được nâng ngạch.

Ví dụ. Tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2004 bà Trần Thị Y đã có trình độ đại học thuyên lợi theo quy định của ngạch, đã xếp hệ số lương cũ 2,30 bậc 6 ngạch kiểm soát viên đề điều cũ từ ngày 01 tháng 3 năm 2003. Bà Y được chuyển xếp lương cũ sang lương mới từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 vào ngạch kiểm soát viên đề điều mới (mã số 11.082) thuộc công chức loại A1 như sau:

Theo bảng chuyển xếp tại điểm a khoản 2 này thì hệ số lương cũ 2,30 bậc 6 ngạch kiểm soát viên đề điều cũ của bà Y được chuyển vào hệ số lương mới 3,06 bậc 7 ở công chức loại B. Từ hệ số lương mới 3,06 bậc 7 ở công chức loại B này chuyển vào hệ số lương mới cao hơn gần nhất là 3,33 bậc 4 ngạch kiểm soát viên đề điều mới (mã số 11.082) thuộc công chức loại A1. Do chênh lệch giữa hệ số lương mới 3,33 được chuyển xếp ở công chức loại A1 so với hệ số lương mới 3,06 được chuyển xếp ở công chức loại B là 0,27 ($3,33 - 3,06$) lớn hơn 0,20 nên thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở ngạch kiểm soát viên đề điều mới của bà Y được tính kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004. Như vậy, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 bà Y được chuyển xếp từ hệ số lương cũ 2,30 bậc 6 ngạch kiểm soát viên đề điều cũ vào hệ số lương mới 3,33 bậc 4 ngạch kiểm soát viên đề điều mới (mã số 11.082) thuộc công chức loại A1, thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

c) Kiểm soát viên đề điều chưa đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định của ngạch thì được chuyển xếp lương cũ sang lương mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 vào ngạch kiểm soát viên trung cấp đề điều (mã số 11.083) thuộc công chức loại B theo đúng bảng chuyển xếp tại điểm a khoản 2 này.

II. ĐỐI VỚI NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Các ngạch viên chức ngành giáo dục và đào tạo (giáo viên trung học, giáo viên trung học cơ sở, giáo viên tiểu học và giáo viên mầm non) đã có thay đổi, bổ sung về chức danh, mã số ngạch và phân loại viên chức theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV và